

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ÂM NHẠC – MỸ THUẬT

MÔN ÂM NHẠC - KHỐI 7

(Từ ngày 16/5/2022 đến ngày 21/5/2022)

Chủ đề 8: “HÈ VỀ”

Tiết 31: Ôn hát – TĐN 9

A. LÝ THUYẾT

I. Ôn hát:

- Hát kết hợp vận động theo nhạc với động tác phù hợp nội dung, tính chất bài hát.

II. TĐN số 9

- Tìm hiểu nhịp, giọng, các kí hiệu âm nhạc *(HS hoạt động nhóm, tìm hiểu trong Sgk)*
- Chia câu:
 - Câu 1: “Trường ... êm đêm”
 - Câu 2: “Bên ... nhẹ lướt”
 - Câu 3: “Trường ... mơ màng”
 - Câu 4: “Trường ... trường ơi!”

B. BÀI TẬP

- Hát kết hợp vận động theo nhạc với động tác phù hợp nội dung, tính chất bài hát.
- Đọc nhạc kết hợp gõ tiết tấu TĐN số 9.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Đài Trang SĐT: 0833453585

TIẾT 45

BÀI 49: VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA NUÔI THỦY SẢN

I/ VAI TRÒ CỦA NUÔI THỦY SẢN

- Cung cấp thực phẩm cho xã hội
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến xuất khẩu và các ngành sản xuất khác
- Làm sạch môi trường nước

II. NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA NUÔI THỦY SẢN Ở NƯỚC TA

Nuôi thủy sản có 3 nhiệm vụ chính:

- Khai thác tối đa tiềm năng về mặt nước và giống nuôi
 - Cung cấp thực phẩm tươi sạch
 - Ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ
-

TIẾT 46

BÀI 50: MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA NƯỚC NUÔI THỦY SẢN

- Có khả năng hòa tan các chất vô cơ và hữu cơ.
- Khả năng điều hòa chế độ nhiệt của nước
- Thành phần oxi thấp và cacbonic cao

II. TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC NUÔI THỦY SẢN

1/ Tính chất lí học

a/ Nhiệt độ: Cho tôm là 25-35⁰c, cho cá là 20-30⁰c

b/ Độ trong: để đánh giá độ tốt xấu của nước nuôi thủy sản.

Cách đo độ trong: xem SGK/134

c/ Màu nước: có 3 màu chính

- Màu nâu chuối hoặc vàng lục
- Màu tro đục, xanh đồng
- Nước có màu đen mùi thối

d/ Sự chuyển động của nước

2/ Tính chất hóa học:

a/ Các chất khí hòa tan

- Khí oxi: do quang hợp của thực vật thủy sinh và từ không khí
- Khí cacbonic: có trong nước là do hô hấp của sinh vật và sự phân hủy chất hữu cơ

b/ Các chất muối hòa tan

c/ Độ pH: từ 6-9

3/ Tính chất sinh học

III/ BIỆN PHÁP CẢI TẠO NƯỚC VÀ ĐẤT ĐÁY AO

Cải tạo nước, đất đáy ao nhằm nâng cao chất lượng của nước nuôi tôm và cá

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ KHỐI 6

(Từ ngày 16/5/2022 đến 21/5/2022)

BÀI 19: BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X (TT)

Nội dung bài ghi đã gửi chung tuần trước thi.

Tuần này học sinh trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Nội dung nào phản ánh đúng điều kiện thuận lợi để Khúc Thừa Dụ nổi dậy giành quyền tự chủ thành công?

- A. Do sự ủng hộ của nhân dân
- B. Do sự suy yếu của nhà Đường
- C. Do Khúc Thừa Dụ đã xây dựng được một lực lượng mạnh trước đó
- D. Do nền kinh tế An Nam phát triển hơn trước

Câu 2: Đâu không phải chính sách của Khúc Hạo nhằm xây dựng một đất nước tự chủ?

- A. Đặt lại các khu vực hành chính và cử người trông coi mọi việc
- B. Xem xét và định lại mức thuế, bãi bỏ các thứ lao dịch
- C. Lập lại sổ hộ khẩu
- D. Xung vương, xây dựng một bộ máy nhà nước mới

Câu 3: Ai là người đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ nhất giành thắng lợi?

- A. Khúc Hạo
- B. Khúc Thừa Mĩ
- C. Dương Đình Nghệ
- D. Ngô Quyền

Câu 4: Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ nhất thắng lợi có ý nghĩa gì quan trọng?

- A. Kết thúc hơn 1000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc
- B. Mở ra thời kì mới: độc lập, tự chủ lâu dài
- C. Bảo vệ nền tự chủ của dân tộc từ sau cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ
- D. Đem lại nền tự chủ cho dân tộc sau một thời gian dài bị đô hộ

Câu 5: Khúc Hạo chủ trương xây dựng đất nước tự chủ theo đường lối?

- A. Khoan thư sức dân là kế sâu rễ bền gốc
- B. Đẩy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân
- C. Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh
- D. Chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị, nhân dân đều được yên vui

Câu 6: Mùa thu năm 930, quân Nam Hán:

- A. đem quân sang đánh nước ta
- B. cử sứ sang chiêu mộ nhân tài ở nước ta
- C. cử sứ sang yêu cầu Khúc Thừa Mĩ sang triều cống
- D. cử người Hán sang làm Tiết độ sứ.

Câu 7: Đầu năm 906, vua Đường buộc phải phong Khúc Thừa Dụ làm chức gì ?

- A. Thái thú
- B. Đô úy
- C. Tiết độ sứ An Nam đô hộ
- D. Thứ sử An Nam đô hộ

Câu 8: Ngô Quyền từ vùng châu Ái đem quân ra đánh Kiều Công Tiễn vào thười gian nào?

- A. Tháng 10/938
- B. Tháng 11/938
- C. Tháng 12/938
- D. Tháng 1/938

Câu 9: Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Nam Hán lần thứ nhất, Dương Đình Nghệ tự xưng là gì?

- A. An Nam quốc vương
- B. Hoàng đế
- C. Tiết độ sứ
- D. Thái úy

Câu 10: Chiến lược đánh giặc Nam Hán của Ngô Quyền có nét gì nổi bật?

- A. Dùng kế mai phục hai bên bờ sông sau đó tấn công trực diện vào các con thuyền lớn.
- B. Bố trí trận địa mai phục ở tất cả các đoạn đường chúng có thể đi qua để đánh bại kẻ thù
- C. Dùng kế đóng cọc trên khúc sông hiểm yếu, nhử địch vào trận địa bãi cọc rồi đánh bại chúng
- D. Mở trận đánh quyết định đánh bại quân địch, rồi giảng hòa, mở đường cho chúng rút về nước

Câu 11: Nhân vật nào được đánh giá là nhà cải cách đầu tiên trong lịch sử Việt Nam?

- A. Lý Bí
- B. Khúc Thừa Dụ
- C. Khúc Hạo
- D. Dương Đình Nghệ

Câu 12: Khúc Hạo gửi con trai sang làm con tin nhà Nam Hán nhằm mục đích gì?

- A. Cắt đứt quan hệ với nhà Đường, thiết lập quan hệ với nhà Nam Hán
- B. Thể hiện sự thần phục với nhà Nam Hán để giảm thiểu nguy cơ bị xâm lược
- C. Tạo ra sự bảo trợ của nhà Nam Hán trước sự đe dọa của Hậu Lương
- D. Tạo ra sự bảo trợ của nhà Nam Hán trước sự đe dọa của Dương Đình Nghệ

Câu 13: Xuất phát từ nguyên nhân sâu xa nào mà trong 1000 năm Bắc thuộc người Việt mất nước nhưng không mất dân tộc?

- A. Sự định hình của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc
- B. Ý thức tiếp thu có chọn lọc của người Việt
- C. Bộ máy cai trị của chính quyền trung quốc chỉ tới cấp huyện
- D. Có những khoảng thời gian độc lập ngắn để củng cố đất nước

Câu 14: Quân Nam Hán đem quân xâm lược nước ta lần thứ hai vào năm nào?

- A. Năm 930
- B. Năm 931
- C. Năm 937
- D. Năm 938

Câu 15: Đâu không là nguyên nhân khi Ngô Quyền chủ trương xây dựng trận địa cọc ngầm trên sông Bạch Đằng?

- A. Do quân Nam Hán chắc chắn sẽ tiến vào nước ta theo đường sông Bạch Đằng
- B. Do muốn lợi dụng con nước thủy triều
- C. Do hai bên bờ sông có thể xây dựng quân mai phục hỗ trợ thủy binh
- D. Do đã bị mất người dẫn đường là Kiều Công Tiễn

Câu 16: Trước nguy cơ xâm lược của nhà Nam Hán, hành động đầu tiên của Ngô Quyền khi kéo quân ra Bắc là gì?

- A. Triệu tập các tướng lĩnh bàn kế sách đánh giặc
- B. Huy động nhân dân xây dựng trận địa cọc ngầm trên sông Bạch Đằng
- C. Tiến vào Đại La bắt giết Kiều Công Tiễn
- D. Cử đoàn sứ giả sang hòa giải với nhà Nam Hán

Câu 17: Thông tin nào dưới đây không đúng về Khúc Thừa Dụ?

- A. Là một hào trưởng địa phương ở Ninh Giang, Hải Dương.
- B. Nhân cơ hội nhà Đường suy yếu đã nổi dậy đánh chiếm thành Tống Bình, lật đổ chính quyền đô hộ.
- C. Tự xưng hoàng đế, xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.
- D. Có con trai là Khúc Hạo người đã tiến hành cuộc cải cách đầu tiên trong lịch sử.

Câu 18: Thông tin nào dưới đây không chính xác về sông Bạch Đằng?

- A. Chảy giữa thị xã Quảng Yên (Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng).
- B. Đây là con đường thủy tốt nhất để đi vào nước ta.
- C. Lòng sông hẹp và nông, mực nước vùng cửa sông lúc thủy triều cao nhất và thấp nhất không chênh lệch nhiều.
- D. Địa hình xung quanh có nhiều cồn gò, bãi, đầm lầy... giúp bố trí lực lượng quân thủy, bộ cùng chiến đấu chặn giặc thuận lợi.

Câu 19: Ai là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ nhất (930 – 931)?

A. Dương Đình Nghệ

B. Khúc Thừa Dụ

C. Khúc Hạo

D. Ngô Quyền

Câu 20: Căn cứ làng Giăng gắn với nghĩa quân của Dương Đình Nghệ nay thuộc địa phương nào?

A. Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

B. Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

C. Huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

D. Huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

BÀI 18. BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

A. LÝ THUYẾT

I. Các đại dương trên Trái Đất

- Biển là một bộ phận có những đặc điểm riêng (độ muối, nhiệt độ...) khác với vùng nước của đại dương bao quanh.

- Đại dương chiếm 71% diện tích bề mặt Trái Đất. Trên thế giới có 4 đại dương: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.

II. Nhiệt độ, độ muối của biển và đại dương

- Nhiệt độ trung bình của nước biển và đại dương là $17,5^{\circ}\text{C}$. Tuy nhiên nhiệt độ sẽ thay đổi phụ thuộc vào vị trí địa lí, điều kiện khí hậu và một số điều kiện tự nhiên khác.

- Độ muối trung bình của nước biển và đại dương là 35‰. Có sự khác nhau về độ muối của các biển và đại dương. Độ muối của các biển và đại dương không giống nhau tùy thuộc vào nguồn nước sông đổ vào nhiều hay ít và độ bốc hơi lớn hay nhỏ.

III. Sự vận động của nước biển và đại dương

1. Sóng

- Sóng biển là hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương.
- Nguyên nhân sinh ra sóng biển chủ yếu là gió. Động đất ngầm dưới đáy biển sinh ra sóng thần.

2. Thủy triều

- Thủy triều là hiện tượng nước biển có lúc dâng lên, lấn sâu vào đất liền, có lúc rút xuống, lùi ra xa.
- Nguyên nhân: Được hình thành chủ yếu do sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời.

3. Dòng biển

- Dòng biển là hiện tượng chuyển động của lớp nước biển trên mặt, tạo thành các dòng chảy trong các biển và đại dương.
- Nguyên nhân sinh ra các dòng biển chủ yếu là các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất như Tín phong, gió Tây ôn đới...

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Câu 1: Hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương gọi là

- | | |
|----------------|-----------------|
| A. sóng biển. | B. dòng biển. |
| C. thủy triều. | D. triều cường. |

Câu 2: Ban-tích có độ muối rất thấp là vì nguyên nhân nào?

- | | |
|------------------------------------|--|
| A. Biển rất ít mưa độ bốc hơi lớn. | B. Nhiều sông đổ vào, độ bốc hơi rất lớn. |
| C. Biển đóng băng quanh năm. | D. Biển kín, có nguồn nước sông phong phú. |

Câu 3: Nguyên nhân chủ yếu gây ra sóng thần là do đâu?

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------------|
| A. Động đất ngầm dưới đáy biển. | B. Sự thay đổi áp suất của khí quyển. |
| C. Chuyển động của dòng khí xoáy. | D. Bão, lốc xoáy. |

Câu 4: Độ muối trung bình của đại dương là

- A. 32‰.
- B. 34‰.
- C. 35‰.
- D. 33‰.

Câu 5: Nơi gặp nhau của các dòng biển nóng, lạnh có hoạt động kinh tế - xã hội nào dưới đây phát triển mạnh nhất?

- A. Khai thác khoáng sản biển.
- B. Đánh bắt thủy – hải sản.
- C. Du lịch biển – đảo.
- D. Giao thông vận tải biển.

Câu 6: Trên các biển và đại dương có những loại dòng biển nào sau đây?

- A. Dòng biển nóng và dòng biển lạnh.
- B. Dòng biển lạnh và dòng biển nguội.
- C. Dòng biển nóng và dòng biển trắng.
- D. Dòng biển trắng và dòng biển nguội.

Câu 7: Độ muối của nước biển và đại dương là do yếu tố nào?

- A. Nước sông hòa tan các loại muối từ đất đá trong lục địa đưa ra.
- B. Sinh vật sống trong các biển và đại dương đưa ra.
- C. Động đất núi lửa ngầm dưới đáy biển và đại dương sinh ra.
- D. Hoạt động kiến tạo dưới biển và đại dương sinh ra.

Câu 8: Trên thế giới không có đại dương nào sau đây?

- A. Ấn Độ Dương.
- B. Bắc Băng Dương.
- C. Đại Tây Dương.
- D. Châu Nam Cực.

Câu 9: Nguyên nhân sinh ra hiện tượng thủy triều là gì?

- A. Động đất ở đáy biển.
- B. Núi lửa phun.
- C. Do gió thổi.
- D. Sức hút Mặt Trăng và Mặt Trời.

Câu 10: Các dòng biển nóng thường có hướng chảy từ

- A. vĩ độ cao về vĩ độ thấp.
- B. vĩ độ thấp về vĩ độ cao.
- C. bán cầu Bắc xuống Nam.
- D. bán cầu Nam lên Bắc.

Câu 11: Sức hút của mặt trời và mặt trăng là nguyên nhân chủ yếu là nguyên nhân hình thành?

- A. sóng biển.
- B. thủy triều.
- C. sóng ngầm.
- D. dòng biển.

Câu 12: Dao động thủy triều lớn nhất vào các ngày nào sau đây?

- A. Trăng tròn và không trăng.
- B. Trăng khuyết và không trăng.
- C. Trăng tròn và trăng khuyết.
- D. Trăng khuyết đầu, cuối tháng.

Câu 13: Tại sao Nhật Bản luôn chịu ảnh hưởng của động đất, núi lửa và sóng thần?

- A. Nhật Bản nằm trong vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.
- B. Nhật Bản nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương.
- C. Nhật Bản nằm trên vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.
- D. Nhật Bản nằm trên đường di lưu, di cư của nhiều loài sinh vật.

Câu 14: Nước biển và đại dương có mấy sự vận động?

- A. 5.
- B. 3.
- C. 2.
- D. 4.

Câu 15: Biết rằng: “Năm 2011, Nhật Bản phải hứng chịu trận thảm họa kép gây thiệt hại nặng nề về con người và tài sản của đất nước này”, “thảm họa kép” được nhắc đến ở đây là?

- A. động đất và núi lửa
- B. bão và động đất.
- C. bão và lũ lụt
- D. động đất và sóng thần.

Câu 16: Nước biển và đại dương có mấy sự vận động?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 17: Nước mặn chiếm khoảng bao nhiêu trong toàn bộ khối lượng nước trên Trái Đất?

- A. 95%.
- B. 90%.
- C. 92%.
- D. 97%.

Câu 18: Nguyên nhân tạo nên sóng biển không phải là do

- A. động đất.
- B. bão.
- C. dòng biển.
- D. gió thổi.

D. DẶN DÒ

- Chép nội dung bài 18 vào tập, học thuộc lòng bài 18.
- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Lê Thanh Tuyền

-SĐT: 0981979190

-GVBM: Nguyễn Thị Mỹ Lệ

-SĐT: 0933156546

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ĐỊA LÍ

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 7

(Từ ngày 16/5/2022 đến 21/5/2022)

Bài 56: KHU VỰC BẮC ÂU

A. LÝ THUYẾT

I. Khái quát tự nhiên

Khu vực Bắc Âu gồm Ai-xơ-len, Na-uy, Thụy Điển, Phần Lan

1. Địa hình

- Băng hà cổ phổ biến trên bán đảo Xcan-đi-na-vi.
- Phần lớn diện tích bán đảo Xcan-đi-na-vi là núi và cao nguyên.

2. Khí hậu

- Lạnh giá vào mùa đông, mát mẻ vào mùa hạ.
- Có sự phân hoá:
 - + Phía Tây dãy núi Xcan-đi-na-vi mùa đông không lạnh, biển không đóng băng, mùa hạ mát mưa nhiều.
 - + Phía Đông mùa đông giá lạnh có tuyết rơi sớm.

3. Tài nguyên: chủ yếu là dầu mỏ, rừng, quặng sắt, đồng, U-ra-ni-um, nguồn thủy năng và cá biển.

=>Tự nhiên mang lại cho khu vực Bắc Âu thế mạnh kinh tế về biển, rừng, thủy điện.

II. Kinh tế

- Dân cư các nước Bắc Âu thưa thớt, có mức sống cao nhờ khai thác tài nguyên hợp lý để phát triển kinh tế đạt hiệu quả.
- Một số ngành: công nghiệp khai thác rừng, sản xuất gỗ, giấy, chăn nuôi, đánh cá.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

D. DẶN DÒ

- Học sinh ghi bài vào tập.

Bài 57: KHU VỰC TÂY VÀ TRUNG ÂU

A. LÝ THUYẾT

I. Khái quát tự nhiên

1. Địa hình: gồm ba miền
 - Miền đồng bằng ở phía Bắc.
 - Miền núi già ở giữa.
 - Miền núi trẻ phía Nam gồm dãy An-pơ và Cac-pat.
2. Khí hậu: có sự phân hoá
 - Ven biển phía Tây có khí hậu ôn đới hải dương.
 - Vào sâu trong lục địa có khí hậu ôn đới lục địa.
3. Sông ngòi: bị đóng băng vào mùa Đông.
4. Tài nguyên: gồm có than, đồng, sắt, dầu mỏ, khí đốt, Bô-xit, U-ra-ni-um, rừng.

II. Kinh tế

1. Công nghiệp
 - Tập trung nhiều cường quốc công nghiệp hàng đầu của thế giới.
 - Nền công nghiệp phát triển đa dạng (công nghiệp truyền thống và hiện đại) và có năng suất cao.
 - Các vùng công nghiệp lớn: vùng Rua (Đức), cùng hải cảng lớn như Rốt-téc đam.
2. Nông nghiệp
 - Miền đồng bằng trồng lúa mạch, khoai tây, lúa mì, củ cải đường.
 - Trên các đồng cỏ miền núi chăn nuôi bò, cừu.

3. Dịch vụ: phát triển nhanh chiếm trên 2/3 tổng thu nhập quốc dân. Ngành dịch vụ phát triển là tài chính và du lịch.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

D. DẶN DÒ

- Học sinh ghi bài vào tập.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Trần Thị Mơ - SĐT: 0398242395

Nguyễn Thị Hòa - SĐT: 0362449659

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: SỬ- GDCD

MÔN GDCD. KHỐI 7

TUẦN 33, 34, 35: TỪ NGÀY 16/5/2022 ĐẾN NGÀY 28/5/2022

**BÀI 17+18: NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM
BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CẤP CƠ SỞ (XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN)
(4 TIẾT)**

A. NHIỆM VỤ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH:

HOẠT ĐỘNG 1:

1. Giải thích vì sao Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân?

Trả lời:

Nhà nước ta là thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 do nhân dân ta tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bộ máy Nhà nước ta do nhân dân bầu ra. (Nhân dân bầu ra đại biểu Quốc Hội, Hội đồng nhân dân các cấp). Nhà nước hoạt động vì lợi ích của nhân dân.

2. Theo em, những cơ quan nào trong bộ máy Nhà nước ta được gọi là cơ quan đại biểu của nhân dân và là cơ quan quyền lực của Nhà nước? Cơ quan nào là cơ quan quyền lực của Nhà nước cao nhất? Tại sao?

Trả lời:

- Theo em, những cơ quan trong bộ máy Nhà nước được gọi là cơ quan đại biểu của nhân dân là cơ quan quyền lực của Nhà nước: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp
- Cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất là Quốc hội.

Bởi vì: Quốc hội là cơ quan bao gồm những người có tài, có đức do nhân dân lựa chọn bầu ra, đại diện cho mình để tham gia làm những công việc quan trọng nhất của Nhà nước như:

- + Làm Hiến pháp và Luật để quản lí Nhà nước quản lí xã hội.
- + Quyết định các chính sách cơ bản về đối nội (kinh tế - xã hội, tài chính, an ninh, quốc phòng,...) và đối ngoại của đất nước.
- + Quyết định các nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước và hoạt động của công dân.

3. Những cơ quan nào được gọi là cơ quan hành chính Nhà nước, cơ quan nào là cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất?

Trả lời:

Những cơ quan hành chính Nhà nước bao gồm: Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp. Cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất là Chính phủ.

4. Em hãy chọn câu trả lời em cho là đúng?

- Chính phủ làm nhiệm vụ:

(1) Biểu quyết thông qua Hiến pháp, luật.

(2) Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật.

- Chính phủ do:

(1) Nhân dân bầu ra.

(2) Quốc hội bầu ra.

- Ủy ban nhân dân do:

(1) Ủy ban nhân dân cấp trên bầu ra.

(2) Nhân dân bầu ra.

(3) Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra.

Trả lời:

- Chính phủ làm nhiệm vụ: (2)

- Chính phủ do: (2)

- Ủy ban nhân dân do: (3)

5. Vì sao công dân có nghĩa vụ tuân theo pháp luật?

Trả lời:

- Nhà nước ban hành luật và đặt ra các quy định pháp luật để quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

- Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân lập nên, hoạt động vì lợi ích của nhân dân vì thế công dân có quyền và trách nhiệm giám sát, góp ý kiến vào hoạt động của các đại biểu và các cơ quan đại diện cho mình bầu ra, đồng thời có nghĩa vụ thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo vệ các cơ quan Nhà nước, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các cán bộ, công chức Nhà nước thi hành công vụ.

6. Trong quá trình chuẩn bị bài học ở nhà, qua thảo luận Bình và Lan đều cho là Quốc hội và Chính phủ là hai cơ quan giống nhau. Nhưng khi giải thích nguyên nhân vì sao thì lại có sự khác nhau:

Bình: Nguyên nhân là do hai cơ quan này đều là cơ quan trung ương.

Lan: Nguyên nhân là do hai cơ quan này đều có quyền lực cao nhất.

Em có đồng ý với cách lý giải của hai bạn này không?

Trả lời:

Ý kiến của Bình và Lan đều sai. Việc lý giải của hai bạn cũng không chính xác. Thực ra, đây là hai cơ quan có chức năng và quyền hạn khác nhau. Quốc hội là cơ quan

quyền lực còn Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Việc phân định chức năng, quyền hạn như trên là để nâng cao hiệu quả làm việc của từng cơ quan, tránh chồng chéo, lẫn lộn.

HOẠT ĐỘNG 2:

Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐND và UBND xã (phường, thị trấn):

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐND xã (phường, thị trấn)

HĐND xã (phường, thị trấn) do nhân dân bầu ra.

* Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Quyết định những chủ trương và biện pháp quan trọng ở địa phương như:
 - + Xây dựng kinh tế xã hội.
 - + Cũng cố an ninh, quốc phòng.
 - + Cải thiện đời sống vật chất và tin thần của nhân dân, làm tròn nhiệm vụ của địa phương.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của UBND xã (phường, thị trấn):

- UBND do HĐND bầu MUBND ra

* Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Quản lí Nhà nước ở địa phương các lĩnh vực.
- Tuyên truyền và giáo dục pháp luật.
- Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn XH.
- Phòng chống thiên tai, bảo vệ tài sản.
- Chống tham nhũng và tệ nạn xã hội.
- UBND và HĐND xã (phường, thị trấn) là cơ quan chính quyền cấp cơ sở

B. NỘI DUNG GHI BÀI:

BÀI 17+18: NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CẤP CƠ SỞ (XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN) (4 TIẾT)

I. Tìm hiểu bài:

II. Nội dung bài học

1. Nước CHXHCN Việt Nam: là

- Nhà nước của nhân dân, do dân, vì dân.
- Nhà nước CHXHCN Việt Nam do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

2. Bộ máy nhà nước bao gồm:

- Cơ quan quyền lực do nhân dân bầu ra:
 - + Quốc hội.

+ Hội đồng nhân dân các cấp: Nhiệm vụ, quyền hạn: quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương (về kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh)

- Cơ quan hành chính Nhà nước:

+ Chính phủ.

+ Ủy ban nhân dân các cấp: Do Hội đồng nhân dân bầu ra.

Là cơ quan chấp hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân, là cơ quan hành chính của Nhà nước ở địa phương.

- Cơ quan xét xử: Tòa án nhân dân tối cao, tòa án nhân dân địa phương và tòa án quân sự.

- Cơ quan kiểm sát: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân địa phương, viện kiểm sát quân sự.

3. Trách nhiệm:

- Nhà nước:

+ Bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

+ Giữ gìn và nâng cao đời sống của nhân dân.

+ Bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước giàu mạnh.

- Công dân:

+ Giám sát, góp ý kiến các hoạt động của cơ quan Nhà nước.

+ Thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Bảo vệ cơ quan Nhà nước, giúp đỡ cơ quan Nhà nước thi hành công vụ.

III. Bài tập: (SGK)

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

Cô Nguyễn Thị Dung . SĐT: 0976208153

Trường THCS Phan Công Hớn

Tổ Sinh

SINH HỌC 7 - TUẦN 32

(từ 16/05/2022 đến 22/05/2022)

Tiết 63, 64

ĐA DẠNG SINH HỌC

I - ĐA DẠNG SINH HỌC ĐỘNG VẬT Ở MÔI TRƯỜNG ĐỚI LẠNH

Ở gần địa cực khí hậu lạnh, băng đóng gần như quanh năm. Mùa hạ rất ngắn, là mùa hoạt động của mọi loài sinh vật. Cây cối thưa thớt, thấp lùn.

Do khí hậu vô cùng khắc nghiệt nên chỉ có một số ít loài tồn tại, vì có những thích nghi đặc trưng như có bộ lông rậm và lớp mỡ dưới da rất dày để giữ nhiệt cho cơ thể và dự trữ năng lượng chống rét (gấu trắng, hải cẩu, cá voi, chim cánh cụt...).



Chim cánh cụt



Cú tuyết



Hải ly

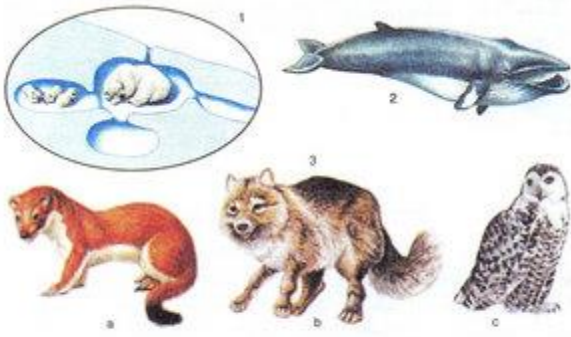


Gấu Bắc Cực

Động vật đới lạnh



Nhiều loài chim, thú có tập tính di cư tránh rét, một số ngủ suốt mùa đông (gấu trắng) để tiết kiệm năng lượng. Nhiều loài (chồn, cáo, cú trắng) về mùa đông có bộ lông màu trắng dễ lẫn với tuyết, che mắt kẻ thù; về mùa hè bộ lông chuyển sang màu nâu hay xám (hình 57.1).



Hình 57.1. Một số loài động vật ở môi trường đới lạnh
 1. Gấu trắng và đàn con ngủ đông ; 2. Cá voi ;
 3. Thù vùi bộ lông mùa hè : a) Chồn Bắc Cực ; b) Chồn Bắc Cực ; c) Chồn tuyết.

II - ĐA DẠNG SINH HỌC ĐỘNG VẬT Ở MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC ĐỚI NÓNG

- Khí hậu môi trường hoang mạc đới nóng rất nóng và khô.
- Thực vật thấp nhỏ, xơ xác.
- Động vật gồm ít loài và có những thích nghi rất đặc trưng đối với khí hậu khô và nóng.



Bọ Cạp



Thực vật hoang mạc



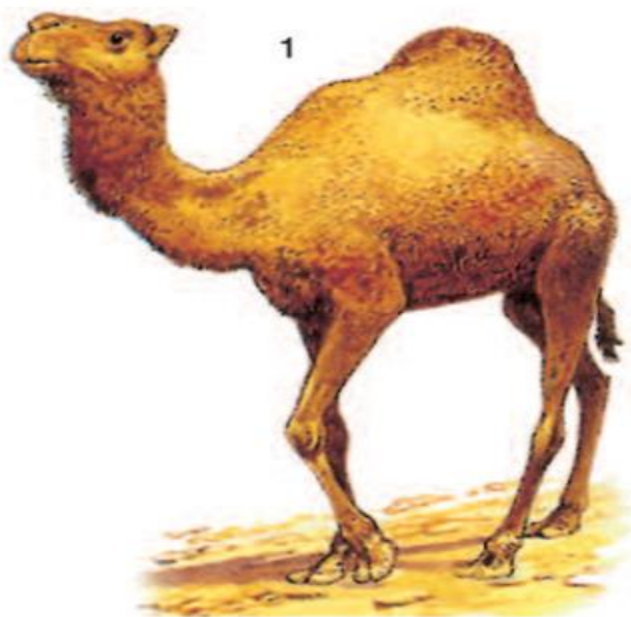
Chuột nhảy



Rắn

Động vật sống ở hoang mạc

Ví dụ: chuột nhảy có chân dài, mảnh nên cơ thể nằm cao so với cát nóng, mỗi bước nhảy rất xa trên hoang mạc ; lạc đà có chân cao, mỏng rộng, không bị lún trong cát, có đệm thịt dày chống nóng. Bướu trên lưng lạc đà chứa mỡ. Khi cần, mỡ trong bướu có thể chuyển đổi thành nước (nước trao đổi chất) cho hoạt động của cơ thể. -
- Nhiều loài có bộ lông màu nhạt giống với màu cát để không bắt nắng và dễ lẫn trốn kẻ thù.



Hình 57.2. Một số loài động vật ở môi trường hoang mạc đới khô.
1. Lạc đà ; 2. Chuột nhảy ; 3. Bò sát.
mạc, có tập tính di chuyển bằng cách nâng thân nên cơ thể ít tiếp xúc với cát nóng.

- Động vật có khả năng nhịn khát giỏi, có khả năng đi xa để tìm nước.
- Mọi hoạt động chủ yếu thực hiện vào ban đêm, khi cái nóng đã dịu xuống. Nhiều loài bò sát và động vật nhỏ có tập tính chui rúc vào sâu trong cát để chống nóng.

Mọi thắc mắc quý PH và HS liên hệ cô Tuyết (SĐT: 0389097016)

Cô Y(0389928322)